

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BUÔN HỒ
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 20 /2020/DS-ST

Ngày: 08- 7- 2020

V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BUÔN HỒ, TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tùng Lâm

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Quỳnh Hải và ông Hồ Văn Hạnh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nông Thị Mai - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Buôn Hồ tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị Thu Hà- Kiểm sát viên.

Ngày 08-7-2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 54/2020/TLST-DS, ngày 10-3-2020 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2020/QĐXX-ST ngày 02/6/2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 20/2020/QĐST-DS ngày 18/6/2020 giữa các đương sự, giữa:

***/ Nguyên đơn:** Ngân hàng Thương mại cổ phần SG (S)

Địa chỉ: Số X, quận Y, thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D

Đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Xuân T –c/v: Phó giám đốc Ngân hàng TMCP SG – chi nhánh L.

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Vũ Công Ng-c/v: Trưởng phòng kiểm soát rủi ro - Ngân hàng TMCP SG – Chi nhánh L (văn bản ủy quyền số 438 ngày 31/12/2019 của Giám đốc Ngân hàng). Có mặt

Địa chỉ: Số Z, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

***/ Bị đơn:** Ông Trần Ng và bà Hồ Thị H

Địa chỉ: Thôn N, xã BT, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk.

(Đều vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 18/02/2020, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Vũ Công Ng trình bày:

Ngày 23/08/2018 ông Ng, bà H ký hợp đồng vay vốn tại Ngân hàng TMCP SG-chi nhánh L (S) theo theo Hợp đồng tín dụng số LD1823500463 và giấy nhận nợ số 01/LD1823500463 ngày 25/08/2018, số tiền vay 550.000.000 đồng (Năm trăm năm mươi triệu đồng). Mục đích vay đầu tư trồng tiêu.

Thời hạn vay 10 năm, phương thức trả nợ: lãi trả định kỳ 06 tháng/ lần vào ngày 25, gốc trả định kỳ 12 tháng/ lần vào ngày 25; mỗi kỳ trả vốn 55.000.000 đồng (*kỳ trả lãi đầu tiên là ngày 25/02/2019, kỳ trả vốn đầu tiên là ngày 26/08/2019, kỳ trả vốn cuối cùng là ngày 25/08/2028*). Lãi suất theo hợp đồng tín dụng là: lãi suất 12 tháng đầu tiên là 11.3%/năm (%/năm, năm = 365 ngày) sau đó điều chỉnh thả nổi (*Tại thời điểm bắt đầu từ tháng thứ 13 đến tháng thứ 60 kể từ ngày nhận nợ, lãi suất của toàn bộ dư nợ vay được điều chỉnh theo mức lãi suất bằng Lãi suất huy động tiết kiệm 13 tháng lãnh lãi cuối kỳ VND (LV13) của S + (cộng) biên độ 4.8%/năm. Tại thời điểm bắt đầu từ tháng thứ 61 kể từ ngày nhận nợ, lãi suất của toàn bộ dư nợ vay được điều chỉnh theo mức lãi suất bằng Lãi suất huy động tiết kiệm 13 tháng lãnh lãi cuối kỳ VND (LV13) của S + (cộng) biên độ 5.3%/năm và được S quyết định điều chỉnh theo định kỳ 03 tháng/lần*). Trường hợp chậm trả gốc, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn và được tính trên phần vốn gốc quá hạn. Trường hợp chậm trả lãi, lãi suất chậm trả bằng 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả. Tính đến ngày 17/02/2020, tổng số tiền phải trả phát sinh theo Hợp đồng là 649.330.114 đồng, số tiền ông Ng, bà H đã thanh toán là 31.330.411 đồng (đây là khoản tiền lãi từ ngày vay đến ngày 24/02/2019). Số tiền còn phải trả là 617.999.703 đồng; trong đó: tiền vốn gốc là 550.000.000 đồng; tiền lãi phát sinh từ ngày vay đến ngày 17/02/2020 là 67.999.703 đồng, trong đó: tiền lãi theo lãi suất trong hạn là 64.808.082 đồng, tiền lãi theo lãi suất quá hạn là 1.697.315 đồng, tiền lãi chậm trả là 1.494.306 đồng.

Ngày 04/03/2019 ông Ng, bà H ký hợp đồng với Ngân hàng cấp tín dụng dưới hình thức phát hành thẻ tín dụng hạn mức sử dụng là 40.000.000 đồng (*Bốn mươi triệu đồng chẵn*), thời hạn sử dụng thẻ 03 năm, mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp thẻ tín dụng, ông Ng, bà H đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền bao gồm cả phí, lãi phát sinh là 40.539.665 đồng (*Bốn mươi triệu năm trăm ba mươi chín ngàn sáu trăm sáu mươi lăm đồng*). Đến nay ông Ng, bà H đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền

10.810.000 đồng (Mười triệu tám trăm mười ngàn đồng). Thứ tự thanh toán căn cứ theo Điều 20 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng. Số tiền nợ thẻ tín dụng còn phải thanh toán tính đến ngày 17/02/2020 là 18.919.665 đồng (*Mười tám triệu chín trăm mười chín ngàn sáu trăm sáu mươi lăm đồng*).

Khi vay ông Ng, bà H thế chấp các tài sản sau:

1. Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đối với thửa đất số 366, tờ bản đồ số 04 diện tích 500m² (Đất ở tại nông thôn 100m², đất trồng cây lâu năm 400m²), địa chỉ tại xã BT, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA 209588 (số vào sổ cấp giấy CH 00927) do UBND thị xã B cấp ngày 22/07/2011 đứng tên bà Hồ Thị H.

2. Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đối với thửa đất số 64, tờ bản đồ số 11 diện tích 5.365m² (Đất trồng cây lâu năm), địa chỉ tại xã BT, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA 209590 (số vào sổ cấp giấy CH 00929) do UBND thị xã B cấp ngày 22/07/2011 đứng tên bà Hồ Thị H.

3. Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đối với thửa đất số 63, tờ bản đồ số 11 diện tích 1.225m² (Đất trồng cây lâu năm), địa chỉ tại xã BT, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA 209589 (số vào sổ cấp giấy CH 00928) do UBND thị xã B cấp ngày 22/07/2011 đứng tên bà Hồ Thị H.

Tất cả các tài sản trên được ông Ng, bà H thế chấp cho ngân hàng tại Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 214/2016/HĐTC ngày 17/08/2016 và đã được công chứng tại Văn phòng công chứng Đ, tỉnh Đắk Lắk (Hợp đồng thế chấp đã được sửa đổi bổ sung lần 1 ngày 23/08/2017, lần 2 ngày 23/08/2018). Giao dịch thế chấp đã được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thị xã B ngày 17/08/2016.

Tính đến ngày 17/02/2020 ông Ng, bà H còn nợ như sau:

- Tổng số tiền phát sinh: 689.869.779 đồng (*Sáu trăm tám mươi chín triệu tám trăm sáu mươi chín ngàn bảy trăm bảy mươi chín đồng*).

- Số tiền đã trả cho S: 62.279.452 đồng, trong đó: tiền vốn gốc 0 đồng, tiền lãi 62.279.452 đồng.

- Tổng số tiền còn phải trả là 636.919.368 đồng (*Sáu trăm ba mươi sáu ngàn chín trăm mười chín ngàn ba trăm sáu mươi tám đồng*), trong đó:

+ Nợ gốc: 550.000.000 đồng (*Năm trăm năm mươi triệu đồng chẵn*);

+ Tổng lãi trong hạn và quá hạn tính từ ngày 25/02/2019 đến ngày 17/02/2020 là: 67.999.703 đồng (*Sáu mươi bảy triệu chín trăm chín mươi chín ngàn bảy trăm linh ba đồng*);

+ Nợ thẻ tín dụng: 18.919.665 đồng (*Mười tám triệu chín trăm mười chín ngàn sáu trăm sáu mươi lăm đồng*)

Nay S đề nghị Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ giải quyết:

Buộc ông Ng, bà H phải trả ngay cho Ngân hàng tổng số tiền là **636.919.368 đồng** (*Sáu trăm ba mươi sáu ngàn chín trăm mười chín ngàn ba trăm sáu mươi tám đồng*), trong đó: Nợ gốc: 550.000.000 đồng (*Năm trăm năm mươi triệu đồng chẵn*); Tổng lãi trong hạn và quá hạn tính từ ngày 25/02/2019 đến ngày 17/02/2020 là: 67.999.703 đồng (*Sáu mươi bảy triệu chín trăm chín mươi chín ngàn bảy trăm linh ba đồng*); Nợ thẻ tín dụng: 18.919.665 đồng (*Mười tám triệu chín trăm mười chín ngàn sáu trăm sáu mươi lăm đồng*);

Tiếp tục tính lãi phát sinh từ ngày 18/02/2020 cho đến ngày ông Ng, bà H trả hết nợ theo mức lãi suất được quy định tại Hợp đồng tín dụng và Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng.

Trường hợp bà H, ông Ng không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ, các tài sản đảm bảo là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của bà H, ông Ng đã thế chấp cho S nêu trên được xử lý theo quy định của pháp luật để thu hồi nợ cho Ngân hàng theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 214/2016/HĐTC ngày 17/08/2016.

Ông Ng, bà H phải chịu mọi chi phí tố tụng phát sinh theo quy định của pháp luật.

- **Bị đơn bà Hồ Thị H trình bày:** Tôi thừa nhận vào ngày 23/8/2018 vợ chồng tôi có ký hợp đồng tín dụng với Ngân hàng TMCP SG – Chi nhánh L vay số tiền 550.000.000 đồng (*Năm trăm năm mươi nghìn đồng*), thời hạn vay 10 năm, mục đích vay: Đầu tư trồng tiêu. Phương thức trả nợ: Lãi trả định kỳ 06 tháng một lần vào ngày 25; Vốn trả định kỳ 12 tháng một lần vào ngày 25.

Quá trình vay vợ chồng tôi đã trả được số tiền 34.330.411 đồng. Khi vay vợ chồng tôi thế chấp 03 quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất như Ngân hàng trình bày là đúng.

Đồng thời ngày 04/03/2019 vợ chồng tôi được S cấp tín dụng dưới hình thức phát hành thẻ tín dụng hạn mức sử dụng là 40.000.000 đồng (*Bốn mươi triệu đồng chẵn*), thời hạn sử dụng thẻ 03 năm, mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp thẻ tín dụng, Vợ chồng tôi đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền bao gồm cả phí, lãi phát sinh là 40.539.665 đồng (*Bốn mươi triệu năm trăm ba mươi chín ngàn sáu trăm sáu mươi lăm đồng*). Đến nay chúng tôi đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 10.810.000 đồng (*Mười triệu tám trăm mười ngàn đồng*). Số tiền nợ thẻ tín dụng còn phải thanh

toán tính đến ngày 17/02/2020 là 18.919.665 đồng (*Mười tám triệu chín trăm mười chín ngàn sáu trăm sáu mươi lăm đồng*).

Nay Ngân hàng khởi kiện, tôi đồng ý trả cho Ngân hàng tổng số tiền là **636.919.368 đồng** (*Sáu trăm ba mươi sáu ngàn chín trăm mười chín ngàn ba trăm sáu mươi tám đồng*), trong đó: Nợ gốc: 550.000.000 đồng, tổng lãi trong hạn và quá hạn tính từ ngày 25/02/2019 đến ngày 17/02/2020 là: 67.999.703 đồng; Nợ thẻ tín dụng: 18.919.665 đồng và tiếp tục tính lãi phát sinh từ ngày 18/02/2020 cho đến ngày chúng tôi trả hết nợ theo mức lãi suất được quy định tại Hợp đồng tín dụng và Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng. Do mất mùa, tiêu chết nên vợ chồng tôi chưa trả được nợ cho Ngân hàng nay vợ chồng tôi xin trả góp mỗi tháng 3.000.000 đồng (*Ba triệu đồng*), khi nào công việc ổn định chúng tôi sẽ trả nhiều hơn.

Tại phiên tòa bị đơn ông Ng, bà H vắng mặt.

Tại phiên tòa ông Ngu giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và đề nghị HĐXX tính lãi đến ngày 08/7/2020 và không đồng ý với yêu cầu trả mỗi tháng 3.000.000 đồng của bà H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Buôn Hồ phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của thẩm phán, hội đồng xét xử, thư ký, những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm hội đồng xét xử nghị án tại phiên tòa đã tuân thủ đúng trình tự, thủ tục và các quy định của pháp luật, bị đơn ông Ng không thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về giải quyết vụ án, đề nghị HĐXX: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về yêu cầu Ông Trần Ng và bà Hồ Thị H trả số tiền cho Ngân hàng tổng số tiền tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 08/7/2020) là **665.167.543 đồng** (*Sáu trăm sáu mươi lăm triệu một trăm sáu mươi bảy nghìn năm trăm bốn ba đồng*). Trong đó:

Nợ Hợp đồng tín dụng số LD1823500463 ngày 25/08/2018 tổng số tiền là 643.565.640 đồng, trong đó nợ gốc 545.000000đ, lãi trong hạn: 91.626.655 đồng, lãi quá hạn 2.966.444 đồng, lãi phạt chậm trả 3.972.541 đồng.

Nợ thẻ tín dụng là: 21.601.903 đồng; trong đó tiền vốn là 18.428.551 đồng, tiền lãi là 3.173.352 đồng.

Tiếp tục tính lãi phát sinh từ ngày 09/7/2020 cho đến ngày ông Ng, bà H trả hết nợ theo mức lãi suất được quy định tại hợp đồng tín dụng và hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng.

Trường hợp bà H, ông Ng không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ, các tài sản đảm bảo là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của Khách hàng đã thế chấp cho S nêu trên được xử lý theo quy định của pháp luật để thu hồi nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu, xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về khởi kiện và thẩm quyền giải quyết: Ngày 10-3-2020 Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ thụ lý vụ án về việc khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần SG (S) là đúng trình tự, thủ tục theo điều 191,195 Bộ luật tố tụng dân sự. HĐXX xác định đây là quan hệ pháp luật tranh chấp về hợp đồng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án là phù hợp với khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Trần Ngọc, bà Hồ Thị H vắng mặt, do vậy HĐXX xét xử vắng mặt là phù hợp với điểm b, khoản 2, điều 227, điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận định:

[3.2] Vào ngày 23/08/2018 ông Ng, bà H ký hợp đồng vay vốn tại Ngân hàng TMCP SG- chi nhánh L (S) theo theo Hợp đồng tín dụng số LD1823500463 và giấy nhận nợ số 01/LD1823500463 ngày 25/08/2018, số tiền vay 550.000.000 đồng (*Năm trăm năm mươi triệu đồng*). Thời hạn vay 10 năm, phương thức trả nợ: lãi trả định kỳ 06 tháng/ lần vào ngày 25, gốc trả định kỳ 12 tháng/ lần vào ngày 25; mỗi kỳ trả vốn 55.000.000 đồng (*kỳ trả lãi đầu tiên là ngày 25/02/2019, kỳ trả vốn đầu tiên là ngày 26/08/2019, kỳ trả vốn cuối cùng là ngày 25/08/2028*). Lãi suất theo hợp đồng tín dụng là: lãi suất 12 tháng đầu tiên là 11.3%/năm (%/năm, năm = 365 ngày), mục đích vay: Đầu tư trồng tiêu.

Tuy nhiên, đến thời điểm thanh toán nợ, bà H, ông Ng không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng như đã cam kết. Đến nay, số nợ trên đã quá hạn. Tại thời điểm kí kết hợp đồng, bà H, ông Ng đủ năng lực trách nhiệm dân sự, việc kí kết hợp đồng vay vốn là hoàn toàn tự nguyện. Việc không thực hiện nghĩa vụ trả nợ của bà H, ông Ng đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay theo các hợp đồng đã kí kết. Do đó, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà H, ông Ng trả số nợ tính đến ngày 08/7/2020 là **643.565.640 đồng**, trong đó nợ gốc 545.000000đ, lãi trong hạn: 91.626.655 đồng, lãi quá hạn 2.966.444 đồng, lãi phạt chậm trả 3.972.541 đồng. Ngoài ra ngày 04/03/2019 ông Ng ký hợp đồng với S cấp tín thẻ tín dụng hạn mức sử dụng là 40.000.000 đồng (*Bốn mươi triệu đồng chẵn*), số tiền này vay để phục vụ sinh hoạt trong gia đình, mặc dù khi vay số tiền này chỉ một mình ông Ng ký, nhưng khi trả nợ cho Ngân hàng thì bà H đi trả, mặt khác bà H cũng trình bày 04/03/2019 vợ chồng tôi được S cấp tín dụng dưới hình thức phát hành thẻ tín dụng hạn mức sử dụng là 40.000.000 đồng (*Bốn mươi triệu đồng chẵn*), vì vậy đây là khoản nợ chung của ông Ng, bà H, quá trình sử dụng thẻ tín dụng ông Ng bà H còn nợ thẻ tín dụng: 18.919.665 đồng, vì

vậy nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông Ng, bà H phải trả là có căn cứ và tiếp tục tính lãi phát sinh từ ngày 09/7/2020 cho đến khi trả hết nợ theo mức lãi suất được quy định tại Hợp đồng tín dụng và Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong các hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này là có căn cứ phù hợp với Điều 91, Điều 95 luật các tổ chức tín dụng nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về hợp đồng thế chấp tài sản: Khi vay 02 hợp đồng tín dụng trên, ông Ng, bà H thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 214/2016/HĐTC ngày 17/8/2016, thỏa thuận sửa đổi bổ sung hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất số 214/2016/HĐTC- 01 ngày 23/8/2017 và thỏa thuận sửa đổi bổ sung hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất số 214/2016/HĐTC- 02 ngày 23/8/2018.

Tất cả các Hợp đồng thế chấp được đăng ký giao dịch thế chấp đã được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thị xã Buôn Hồ ngày 17/08/2016 để đảm bảo việc thực hiện toàn bộ nghĩa vụ của bên thế chấp đối với bên ngân hàng phát sinh từ hợp đồng tín dụng số LD1823500463 ngày 23-8-2018.

Trường hợp bà H, ông Ng thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ mà không phải xử lý tài sản thế chấp thì Ngân hàng thương mại cổ phần SG – chi nhánh L trả lại cho bà Hồ Thị H và ông Trần Ng 03 giấy CNQSDĐ theo hợp đồng thế chấp mà các bên đã ký kết.

Trường hợp vợ chồng Ông Trần Ng và bà Hồ Thị H không trả hoặc trả không đầy đủ số tiền gốc và lãi phát sinh như Hợp đồng đã ký kết đối với Ngân hàng thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp số 214/2016/HĐTC ngày 17/8/2016, thỏa thuận sửa đổi bổ sung hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất số 214/2016/HĐTC- 01 ngày 23/8/2017 và thỏa thuận sửa đổi bổ sung hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất số 214/2016/HĐTC- 02 ngày 23/8/2018 đã ký kết giữa các bên được xử lý theo quy định của pháp luật để thu hồi nợ cho ngân hàng Thương mại cổ phần SG.

[5] Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ, cần chấp nhận.

[6] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần S không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho Ngân hàng Thương mại cổ phần SG (S) số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 14.738.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2019/0004843 ngày 09-3-2020 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã B, tỉnh Đắk Lắk.

Bị đơn bà Hồ Thị H và ông Trần Ng phải chịu án phí DSST theo quy định pháp luật.
Vì những lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 144, Điều 147, khoản 1 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng;

Căn cứ vào Điều 319, 323; 463; 466 Bộ luật dân sự;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần SG

- Buộc bà Hồ Thị H và ông Trần Ng phải trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần SG tổng số tiền tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 08/7/2020) là **665.167.543 đồng** (*Sáu trăm sáu mươi lăm triệu một trăm sáu bảy nghìn năm trăm bốn ba đồng*). Trong đó:

Nợ theo Hợp đồng tín dụng số LD1823500463 ngày 25/08/2018 tổng số tiền là 643.565.640 đồng, trong đó nợ gốc 545.000000đ, lãi trong hạn: 91.626.655 đồng, lãi quá hạn 2.966.444 đồng, lãi phạt chậm trả 3.972.541 đồng.

Nợ thẻ tín dụng số thẻ là: 21.601.903 đồng; trong đó tiền vốn là 18.428.551 đồng, tiền lãi là 3.173.352 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật.

Trường hợp bà H, ông Ng thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ mà không phải xử lý tài sản thế chấp thì Ngân hàng thương mại cổ phần SG – chi nhánh L trả lại cho bà Hồ Thị H và ông Trần Ng 03 giấy CNQSDĐ theo Hợp đồng thế chấp số 214/2016/HĐTC ngày 17/8/2016, thỏa thuận sửa đổi bổ sung hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất số 214/2016/HĐTC- 01 ngày 23/8/2017 và thỏa thuận sửa đổi bổ sung hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất số 214/2016/HĐTC- 02 ngày 23/8/2018 mà các bên đã ký kết.

Trường hợp vợ chồng ông Trần Ng và bà Hồ Thị H không trả hoặc trả không đầy đủ số tiền gốc và lãi phát sinh như Hợp đồng đã ký kết đối với Ngân hàng thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp số 214/2016/HĐTC ngày 17/8/2016, thỏa thuận sửa đổi bổ sung hợp đồng thế chấp Quyền sử

dụng đất số 214/2016/HĐTC- 01 ngày 23/8/2017 và thỏa thuận sửa đổi bổ sung hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất số 214/2016/HĐTC- 02 ngày 23/8/2018 đã ký kết giữa các bên được xử lý theo quy định của pháp luật để thu hồi nợ cho ngân hàng Thương mại cổ phần SG.

Trường hợp xử lý tài sản đảm bảo không đủ để thu nợ thì yêu cầu bà H, ông Ng phải tiếp tục thanh toán số tiền còn lại cho đến khi trả nợ xong.

2. Về án phí:

Bị đơn bà Hồ Thị H và ông Trần Ng phải chịu 30.606.701 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả lại cho Ngân hàng Thương mại cổ phần SG (S) số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 14.738.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2019/0004843 ngày 09-3-2020 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã B, tỉnh Đắk Lắk.

3. Về quyền kháng cáo:

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND thị xã;
- CCTHADS thị xã;
- Các đương sự liên quan;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Vp.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Thị Tùng Lâm

